

Mẫu đề cương báo cáo

CƠ QUAN BÁO CÁO

Số: /BC-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

1. Công tác quản lý Chương trình

a) Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

- Đánh giá công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.

- Đánh giá tình hình chỉ đạo, điều hành, phối hợp của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.

- Đánh giá mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

b) Công tác điều hành, phối hợp, thực hiện Chương trình: Đánh giá công tác phối hợp giữa các bộ ngành, sở ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

c) Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

d) Kết quả hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình.

đ) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

a) Ngân sách trung ương bố trí (trong đó: đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí (trong đó: đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn).

b) Mức độ đầy đủ và kịp thời về kinh phí so với nhu cầu để thực hiện từng hoạt động của dự án, tiểu dự án.

c) Mức huy động từ các nguồn vốn khác cho công tác giảm nghèo (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, đóng góp từ doanh nghiệp, từ các tổ chức quốc tế, của cộng đồng và cá nhân).

d) Các vướng mắc, bất cập trong bố trí, sử dụng vốn.

3. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ

a) Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo so với kế hoạch của giai đoạn (tỷ lệ giảm nghèo chung của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số).

- Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn so với kế hoạch của giai đoạn (gồm huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình.

b) Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình: nêu rõ kết quả thực hiện của từng dự án, tiểu dự án, tiến độ có đúng tiến độ như kế hoạch giai đoạn 5 năm hay không? nguyên nhân của việc chậm tiến độ (nếu có).

c) Đánh giá mức độ tham gia, hưởng lợi của các đối tượng thuộc Chương trình

- Đánh giá sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi vào công tác lập kế hoạch trung hạn và hàng năm của Chương trình (tổng số cuộc họp thôn lập kế hoạch, số lượt người tham gia các cuộc họp thôn lập kế hoạch trong đó ghi rõ tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

- Đánh giá sự tham gia của người dân trong tổ chức thực hiện theo các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình (mức độ đóng góp, tham gia vào giám sát, tham gia vận hành và duy tu, bảo dưỡng).

- Đánh giá mức độ hưởng lợi của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số... trong các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình.

4. Đánh giá hiệu quả, tác động của các cơ chế, chính sách giảm nghèo

a) Chính sách giảm nghèo thường xuyên (*chính sách về giáo dục, y tế, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tiền điện, Quỹ vì người nghèo,....*)

- *Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo (Đối với các chính sách hỗ trợ liên quan về giáo dục và đào tạo được thực hiện hàng năm theo niên độ tài chính):*

+ Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập¹: **Năm 2021:** Số đối tượng thụ hưởng; kinh phí thực hiện..... **Năm 2022:** Số đối tượng thụ hưởng; kinh phí thực hiện. **Năm 2023.....**

+ Chính sách hỗ trợ trẻ em dân tộc rất ít người²: **Năm 2021:** Số đối tượng thụ hưởng.....; Kinh phí thực hiện:triệu đồng; **Năm 2022:** Số đối tượng thụ hưởng:; Kinh phí thực hiện: triệu đồng. **Năm 2023.....**

¹Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ

²Theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ

+ Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo³: **Năm 2021**: Số đối tượng thụ hưởng:; Kinh phí thực hiện:.....triệu đồng. **Năm 2022**: Số đối tượng thụ hưởng:; Kinh phí thực hiện: triệu đồng. **Năm 2023**.....

+ Chính sách hỗ trợ tiền ăn và tiền ở cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBKK⁴: **Năm 2021**: Số đối tượng thụ hưởng; kinh phí thực hiện triệu đồng. **Năm 2022**: Số đối tượng thụ hưởng có đối tượng được thụ hưởng; kinh phí thực hiện triệu đồng. **Năm 2023**.....

+ Chính sách hỗ trợ tiền gạo học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBKK⁵: **Năm 2021**: có đối tượng được thụ hưởng; kinh phí thực hiện kg gạo. **Năm 2022**: Số đối tượng thụ hưởng: Có đối tượng được thụ hưởng; Kinh phí thực hiện:kg gạo. **Năm 2023**.....

+ Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo⁶: **Năm 2021**: Số đối tượng thụ hưởng có sinh viên; kinh phí thực hiệntriệu đồng. **Năm 2022**: Số đối tượng thụ hưởng: sinh viên; kinh phí thực hiện: triệu đồng. **Năm 2023**.....

+ Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo⁷: **Năm 2021**: số đối tượng thụ hưởng cóđối tượng được thụ hưởng; kinh phí thực hiện triệu đồng. **Năm 2022**: Số đối tượng thụ hưởng: Có đối tượng được thụ hưởng; Kinh phí thực hiện: triệu đồng. **Năm 2023**.....

+ Chương trình học bổng “Vì em hiếu học”: Hội Khuyến học tỉnh đã chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương trao suất học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học; khen thưởng cho học sinh, giáo viên có thành tích xuất sắc với tổng số kinh phí là triệu đồng.

+ Chính sách cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: **Năm 2021**, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kon Tum đã phối hợp với các địa phương cho lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay với doanh số

³Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ

⁴Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

⁵Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ

⁶Theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

⁷Theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 13/12/2013

là triệu đồng. **Năm 2022:** có lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay với doanh số là triệu đồng. **Năm 2023.....**

- *Chính sách hỗ trợ về y tế:*

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho y tế cơ sở tại các xã, huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Năm 2021, ngành Y tế đã thực hiện đầu tư sửa chữa trạm y tế cấp xã từ nguồn kinh phí khắc phục bão lũ; trạm y tế xã, thị trấn từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế; **Năm 2022....., Năm 2023.....**

+ Hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số: Năm 2021, có người được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ là triệu đồng (*mức hỗ trợ là 02 triệu đồng/người*). Năm 2022, có người được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ là triệu đồng. 06 tháng đầu năm 2023, có đối tượng, số tiền hỗ trợ là..... triệu đồng.

+ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo: Đối tượng hỗ trợ: Người thuộc hộ gia đình nghèo, người DTTS sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định và người đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước⁸. Tổng số lượt đối tượng được hỗ trợ năm 2021 là lượt bệnh nhân với tổng chi phí hỗ trợ là tỷ đồng. Năm 2022, tổng số đối tượng được hỗ trợ là lượt người; tổng số tiền hỗ trợ là tỷ đồng. Năm 2023, Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo đã dừng hoạt động theo Công văn số 1549/UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo: thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người nghèo, người cận nghèo trên địa bàn huyện (**Năm 2021** có lượt người nghèo, người cận nghèo được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế. **Năm 2022**, có lượt người nghèo, người cận nghèo được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế. **6 tháng đầu năm 2023:** lượt người nghèo, người cận nghèo).

- *Chính sách hỗ trợ về nhà ở:* từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2023, Ban Vận động Quỹ “*Vì người nghèo*” do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh là cơ quan thường trực đã thực hiện hỗ trợ xây dựng mới và sửa chữa nhà ở được

⁸Theo Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh quy định về trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ và công tác quản lý, sử dụng Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Kon Tum.

căn nhà đại đoàn kết với kinh phí thực hiện là triệu đồng (nêu rõ số lượng từng xã).

- *Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường*: Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2021 đã cho lượt hộ vay vốn để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở khu vực nông thôn; với doanh số cho vay là triệu đồng. Năm 2022 đã cho lượt hộ vay vốn để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở khu vực nông thôn; với doanh số cho vay là triệu đồng. ***Trong 6 tháng đầu năm 2023.....***

- *Các chính sách giảm nghèo chung tác động đến mục tiêu giảm nghèo*:

+ Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

+ *Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hoá, nâng cao đời sống tinh thần*:

Toàn huyện có đơn vị cấp xã có Nhà Văn hóa đa năng, chiếm% tổng số đơn vị cấp xã. Nhà Văn hóa và các công trình tương đương cấp thôn: Có đơn vị cấp thôn có các công trình văn hóa, thể thao cấp thôn - làng, chiếm% tổng số đơn vị thôn. Trong đó, vùng đồng bào DTTS có..... nhà rông, nhà văn hóa cộng đồng. Các công trình thể dục - thể thao: Có sân vận động xã, chiếm% tổng số đơn vị cấp xã; khu thể thao thôn, chiếm% tổng số đơn vị thôn.

Các hoạt động đã tổ chức ở các nhà văn hóa cấp cơ sở: Biểu diễn, trình diễn, tái hiện, phục hồi các hoạt động văn hóa dân gian gắn với du lịch cộng đồng du lịch: Công tác quản lý, giữ gìn bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các DTTS trên địa bàn được quan tâm chỉ đạo, thực hiện thường xuyên. Các địa phương tổ chức các đợt sinh hoạt cộng đồng liên quan đến bản sắc văn hóa, mở lớp truyền dạy văn hóa dân gian trong đó có công chiêng của các dân tộc thiểu số, sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa cổ truyền như hát ru, dân ca, dân vũ, sử thi,... Trong các dịp sinh hoạt văn hóa văn nghệ của các thôn, làng và trong thời gian “mùa lễ hội” các già làng, trưởng thôn cũng có ý thức chú trọng truyền dạy cho thanh, thiếu niên, con cháu đánh công chiêng, múa xoang, hát dân ca, kể sử thi... của dân tộc mình.

Thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2015-2025”⁹: Đã tổ chức 08 Hội nghị tuyên truyền, vận động tư vấn nâng cao nhận thức thay đổi hành vi của đồng bào DTTS trong tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh với 600 người tham dự. Xây dựng các băng tiếng, phát thanh viên thu âm, cấp USB phát trên loa phát thanh của xã, thôn, làng...

Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế: Chính sách phát triển du lịch tiếp tục gắn với vùng đồng bào DTTS được tiếp tục đầu tư nâng cấp tại làng du lịch cộng đồng. Hiện nay, các dự án đang khởi động triển khai, giải quyết việc làm cho đồng bào nhất là nữ giới các dân tộc; đồng thời phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên một cách bền vững tại các điểm có tiềm năng. Khảo sát, hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận là điểm du lịch đối với điểm du lịch nhằm đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế; từng bước hình thành và phát triển các tour du lịch kết nối giữa các vùng miền, gắn kết các điểm du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch khác với các tuyến du lịch của tỉnh theo quy hoạch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người nghèo.

Trong năm, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” kết hợp với cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh, đã có tổng số hộ gia đình toàn huyện đăng ký tiếp tục thực hiện các tiêu chuẩn Gia đình văn hóa kết hợp công tác giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng; trong đó hộ là đồng bào DTTS; thôn, làng đăng ký tiếp tục thực hiện các tiêu chuẩn “Khu dân cư văn hóa” theo hướng phát triển kinh tế hộ, giảm nghèo bền vững; trong đó có khu dân cư vùng đồng bào DTTS. Đồng thời, tổ chức duy trì điểm các mô hình trong thực hiện Cuộc vận động như: mô hình phòng chống tội phạm, ma túy, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông,... xây dựng mới

⁹Theo Quyết định 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Giai đoạn II 2021-2025):

..... mô hình thực hiện Cuộc vận động góp phần hoàn thành các chỉ tiêu đăng ký xây dựng xã nông thôn mới.

Trong 6 tháng đầu năm 2023.....

b) Kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo năm 2021, 2022 và 6 tháng đầu năm 2023¹⁰:

- Năm 2021, 2022: Bám sát chỉ tiêu kế hoạch dư nợ các chương trình tín dụng được giao, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Kon Rẫy đã báo cáo và tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân huyện, Ban đại diện Hội đồng quản trị huyện giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho các đơn vị và chỉ đạo tập trung thực hiện cho vay ngay từ đầu năm, không để giảm dư nợ, đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, kết quả: Trong năm 2021, có lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn, doanh số đạt triệu đồng; năm 2022: có lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn, doanh số đạt triệu đồng.

6 tháng đầu năm 2023.....

- Tồn tại, hạn chế.

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Thuận lợi.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

c) Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình.

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình.

6. Các đề xuất và kiến nghị

Từ kết quả đánh giá 5 nội dung tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 nêu trên, đánh giá giữa kỳ sẽ nêu ra các đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những bất cập và những vấn đề nảy sinh trong thực hiện Chương trình, chính sách được phát hiện trong đánh giá giữa kỳ. Những đề xuất và kiến nghị sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

a) Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án.

¹⁰Số liệu tính đến 31/2/2022.

- Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...).

b) Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình.

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

c) Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Bộ, ngành, sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Đề xuất hoàn thiện về cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...).

- Đề xuất khen thưởng các địa phương có kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình cần nhân rộng.

d) Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo.

7. Phụ lục báo cáo

Tổng hợp các Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 09, Biểu số 10, Biểu số 11, Biểu số 12, Biểu số 13, Biểu số 14, Biểu số 15 theo kỳ đánh giá tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Các đơn vị, địa phương có thể bổ sung thêm các phụ lục về: các văn bản, chỉ đạo, điều hành; kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo.../.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- ...